

144 DANH MỤC YÊU CẦU BẢO GIÁ
(Đính kèm Yêu cầu bảo giá số 644/TB-BV.TMHH ngày 04 tháng 04 năm 2025)

STT	Tên hàng hóa	Quy cách	ĐVT	Phân loại	Tiêu chuẩn chất lượng	Cấu hình/ Đặc tính kỹ thuật/ Tiêu chuẩn đánh giá hàng mẫu	Số lượng
GÒN, GẠC, BÔNG							
1	Gạc tấm CHG 2%		miếng	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Gạc kích thước :3- 5cm có tẩm Chlorhexidine gluconate 2% có ít nhất 4 lớp Có vết cắt đầu bao bì giúp dễ xé Nhận xét bởi 10 điều dưỡng bệnh viện (trên 80% đánh giá đạt)	15.000
BOM, KIM TIÊM							
2	Lancet (dùng làm xn VS)		cái	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Lancet (dùng làm xn VS)	300
GIẤY ĐO, GIẤY IN, GIẤY LAU...							
3	Giấy in nhiệt code 58mm x 30m		cuộn	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Giấy in nhiệt 58mm x 30m	99
4	Giấy thấm dịch não tủy		tấm	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Giấy thấm dịch não tủy	1.100
5	Giấy lau kính hiển vi		tờ	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Mền, mịn, dai	7.770
6	Giấy điện tim 63 x 30 (63mm x 30m)		cuộn	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Giấy điện tim 63 x 30 (63mm x 30m)	28
7	Giấy in nhiệt Nihon koden 210x140x200 (giấy đo điện tim)	xấp 200 tờ	xấp	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Giấy giấy đo điện tim loại Nihon koden hoặc tương đương kích thước 210 mmx140 mm Xấp 200 tờ	150
8	Giấy in sử dụng cho máy hấp, máy rửa y dụng cụ, máy rửa giường		cuộn	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Giấy in sử dụng cho máy hấp, máy rửa y dụng cụ, máy rửa giường tương thích với máy của BV	44
KIM, QUE							
9	Túi ép phồng 100mm x 100m		cuộn	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Túi cuộn tiệt trùng loại phồng 100mmx100m • Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn, ở nhiệt độ cao • Cấu tạo: Có 03 đường hàn nhiệt chạy dọc theo mép túi. gồm: một lớp giấy y tế (dày ≥ 60 gr) và một lớp phim trong suốt (dày ≥ 52 μm), không thấm nước, không độc hại. Túi có vạch chỉ thị màu, chuyển màu sau khi hấp. • Tiệt trùng bằng hơi nước đến nhiệt độ ≥ 134 °C và có thể được tiệt trùng bằng 2 phương pháp: Hơi nước, Khí EO. • Nguyên liệu giấy và chỉ thị màu đạt tiêu chuẩn ISO 11607-1:2019, ISO 11140-1:2009 + EN 868-5 • Có cung cấp tối thiểu 01 "máy ép in và mực in" kèm theo (Máy sản xuất tại khối Châu Âu) sử dụng chung các túi ép tại BV.	19
10	Túi ép phồng 350mm x 100m		cuộn	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Túi cuộn tiệt trùng loại phồng 350mmx100m • Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn, ở nhiệt độ cao • Cấu tạo: Có 03 đường hàn nhiệt chạy dọc theo mép túi. gồm: một lớp giấy y tế (dày ≥ 60 gr) và một lớp phim trong suốt (dày ≥ 52 μm), không thấm nước, không độc hại. Túi có vạch chỉ thị màu, chuyển màu sau khi hấp. • Tiệt trùng bằng hơi nước đến nhiệt độ ≥ 134 °C (280 °F) và có thể được tiệt trùng bằng 2 phương pháp: Hơi nước, Khí EO. • Nguyên liệu giấy và chỉ thị màu đạt tiêu chuẩn ISO11607-1:2019, ISO 11140-1:2009 + EN 868-5 • Có cung cấp tối thiểu 01 "máy ép in và mực in" kèm theo (Máy sản xuất tại khối Châu Âu) sử dụng chung các túi ép tại BV.	80

STT	Tên hàng hóa	Quy cách	ĐVT	Phân loại	Tiêu chuẩn chất lượng	Cấu hình/ Đặc tính kỹ thuật/ Tiêu chuẩn đánh giá hàng mẫu	Số lượng
11	Túi ép phồng 300mm x 100m		cuộn	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Túi cuộn tiệt trùng loại phồng 300mmx100m • Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn, ở nhiệt độ cao • Cấu tạo: Có 03 đường hàn nhiệt chạy dọc theo mép túi. gồm: một lớp giấy y tế (dày ≥ 60 gr) và một lớp phim trong suốt (dày ≥ 52 μm), không thấm nước, không độc hại. Túi có vạch chỉ thị màu, chuyển màu sau khi hấp. • Tiệt trùng bằng hơi nước đến nhiệt độ ≥ 134 °C (280 °F) và có thể được tiệt trùng bằng 2 phương pháp: Hơi nước (Steam), Khí EO. • Nguyên liệu giấy và chỉ thị màu đạt tiêu chuẩn ISO11607-1:2019, ISO 11140-1:2009 + EN 868-5 • Có cung cấp tối thiểu 01 "máy ép in và mực in" kèm theo (Máy sản xuất tại khối Châu Âu) sử dụng chung các túi ép tại BV.	80
TUBE CHỨA MÁU							
12	Tube chân không có chứa chất chống đông EDTA K3, thể tích chứa mẫu 6 ml		tube	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	- tube chân không hút đủ thể tích mẫu theo quy cách (chênh lệch không quá 7%) - Có thông tin LOT và HSD trên từng tube mẫu, thông tin in đúng vị trí để phân biệt giữa LOT và HSD - Nhiệt độ, độ ẩm môi trường bảo quản thường quy: + 15 độ C đến + 25 độ C và độ ẩm lên đến 80% - Chất lượng mẫu sau lấy đạt yêu cầu để phân tích mẫu - Phù hợp với hệ thống máy xét nghiệm Thử 100 tube, hàng mẫu đạt khi 99/100 tube đạt tất cả các tiêu chí trên	121.220
13	Tube Heparin (nắp đen - 300UI)		tube	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Không bẻ, nắp kín, còn chất chống đông, còn hạn sử dụng. Hàm lượng Heparin 300UI	5.060
NHÓM KHÁC							
14	Parafilm		cuộn	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Parafilm tạo lớp phủ cho các loại chai lọ hóa chất sau khi khui nắp ra sử dụng	4
15	Lưỡi dao mổ số 11		cái	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Lưỡi dao mổ số 11. Dao được chế tạo bằng thép hợp kim mangan, thép không gỉ hoặc thép carbon với độ dày đạt tiêu chuẩn bám chắc vào thân giúp chống ăn mòn, gỉ sét. Bề mặt lưỡi dao sáng bóng, bề mặt dao không được có vết lõm, vết nứt, vết xước, đảm bảo độ sắc, Độ nhám và cứng đạt tiêu chuẩn.	330
16	Lưỡi dao mổ số 20		cái	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Lưỡi dao mổ số 20. Dao được chế tạo bằng thép hợp kim mangan, thép không gỉ hoặc thép carbon với độ dày đạt tiêu chuẩn bám chắc vào thân giúp chống ăn mòn, gỉ sét. Bề mặt lưỡi dao sáng bóng, bề mặt dao không được có vết lõm, vết nứt, vết xước, đảm bảo độ sắc, Độ nhám và cứng đạt tiêu chuẩn.	330
17	Cốc có mỏ 100 mL		cái	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Làm bằng thủy tinh trong, sạch, không màu, không đục, có chia vạch thể tích rõ	6
18	Ống đong nhựa 100ml		cái	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Ống đong bằng nhựa trong, có chia vạch thể tích rõ ràng, có mỏ	2
19	Bình tam giác 300ml		cái	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Làm bằng thủy tinh trong, sạch, không màu, không đục, có chia vạch thể tích rõ, sử dụng được trong lò vi sóng	5
20	Bình tam giác 500ml		cái	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Làm bằng thủy tinh trong, sạch, không màu, không đục, có chia vạch thể tích rõ, sử dụng được trong lò vi sóng	5
DÂY TRUYỀN, DÂY NÓI, DÂY OXY							
21	Dây truyền dịch không có màng lọc (sử dụng đo CVP)		cái	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Dây truyền dịch không có màng lọc Có chỗ treo dây khi chưa truyền. Khóa chỉnh giọt :để điều chỉnh, chính xác Nhận xét bởi 10 điều dưỡng bệnh viện (trên 80% đánh giá đạt)	480
NHÓM KHÁC							
22	Nhiệt kế		cái	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Nhiệt kế	39

STT	Tên hàng hóa	Quy cách	ĐVT	Phân loại	Tiêu chuẩn chất lượng	Cấu hình/ Đặc tính kỹ thuật/ Tiêu chuẩn đánh giá hàng mẫu	Số lượng
23	Medifix Manometer scale hoặc tương đương (đo CVP)		cái	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Có hệ thống chia vạch rõ ràng , dễ nhìn Có dây/vị trí cột vào cây dịch truyền.	143
24	Bộ trang phục chống dịch 7 món cấp 3		bộ	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Bộ trang phục chống dịch 7 món cấp 3 theo quyết định 1616/QĐ-BYT ngày 08/04/2020 của Bộ Y tế	500
GEL CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH							
25	Gel đo điện tâm đồ		ml	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Độ sánh của gel: vừa phải (không quá sánh cũng như quá lỏng) Không gây kích ứng da, không có tính ăn mòn Cho hình ảnh rõ nét	22.000
Đĩa KHÁNG SINH - KHÁNG NẤM							
26	Oxidase		đĩa	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Không ẩm, không bị nhiễm, còn hạn sử dụng P.aeruginosa ATCC 27853: Đổi màu tím trong 10 - 60 giây E.coli ATCC 25922: Không đổi màu Đánh giá hàng mẫu (hàng mẫu đạt khi đạt tất cả các tiêu chí trên)	275
27	Cefoperazone/sulbactam 105µg		đĩa	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Đúng hàm lượng, không ẩm, còn hạn sử dụng Thực hiện kháng sinh đồ trên chủng chuẩn ATCC: đường kính vòng vô khuẩn nằm trong giới hạn CLSI/ EUCAST (cập nhật hàng năm) Đánh giá hàng mẫu (hàng mẫu đạt khi đạt tất cả các tiêu chí trên)	1.650
28	Amoxicillin 20µg + Clavulanic Acid 10µg		đĩa	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Đúng hàm lượng, không ẩm, còn hạn sử dụng Thực hiện kháng sinh đồ trên chủng chuẩn ATCC: đường kính vòng vô khuẩn nằm trong giới hạn CLSI (cập nhật hàng năm) Đánh giá hàng mẫu (hàng mẫu đạt khi đạt tất cả các tiêu chí trên)	1.925
29	Cefepime 30µg		đĩa	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Đúng hàm lượng, không ẩm, còn hạn sử dụng Thực hiện kháng sinh đồ trên chủng chuẩn ATCC: đường kính vòng vô khuẩn nằm trong giới hạn CLSI (cập nhật hàng năm) Đánh giá hàng mẫu (hàng mẫu đạt khi đạt tất cả các tiêu chí trên)	150
30	Cefotaxime 30µg		đĩa	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Đúng hàm lượng, không ẩm, còn hạn sử dụng Thực hiện kháng sinh đồ trên chủng chuẩn ATCC: đường kính vòng vô khuẩn nằm trong giới hạn CLSI (cập nhật hàng năm) Đánh giá hàng mẫu (hàng mẫu đạt khi đạt tất cả các tiêu chí trên)	150
31	Penicillin 10 units		đĩa	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Đúng hàm lượng, không ẩm, còn hạn sử dụng Thực hiện kháng sinh đồ trên chủng chuẩn ATCC: đường kính vòng vô khuẩn nằm trong giới hạn CLSI (cập nhật hàng năm) Đánh giá hàng mẫu (hàng mẫu đạt khi đạt tất cả các tiêu chí trên)	150
32	Teicoplanin 30µg		đĩa	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Đúng hàm lượng, không ẩm, còn hạn sử dụng Thực hiện kháng sinh đồ trên chủng chuẩn ATCC: đường kính vòng vô khuẩn nằm trong giới hạn CLSI (cập nhật hàng năm) Đánh giá hàng mẫu (hàng mẫu đạt khi đạt tất cả các tiêu chí trên)	150
33	Amikacin 30µg		đĩa	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Đúng hàm lượng, không ẩm, còn hạn sử dụng Thực hiện kháng sinh đồ trên chủng chuẩn ATCC: đường kính vòng vô khuẩn nằm trong giới hạn CLSI (cập nhật hàng năm) Đánh giá hàng mẫu (hàng mẫu đạt khi đạt tất cả các tiêu chí trên)	150
34	Cefoxitin 30µg		đĩa	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Đúng hàm lượng, không ẩm, còn hạn sử dụng Thực hiện kháng sinh đồ trên chủng chuẩn ATCC: đường kính vòng vô khuẩn nằm trong giới hạn CLSI (cập nhật hàng năm) Đánh giá hàng mẫu (hàng mẫu đạt khi đạt tất cả các tiêu chí trên)	150
35	Ciprofloxacin 5µg		đĩa	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Đúng hàm lượng, không ẩm, còn hạn sử dụng Thực hiện kháng sinh đồ trên chủng chuẩn ATCC: đường kính vòng vô khuẩn nằm trong giới hạn CLSI (cập nhật hàng năm) Đánh giá hàng mẫu (hàng mẫu đạt khi đạt tất cả các tiêu chí trên)	150

STT	Tên hàng hóa	Quy cách	ĐVT	Phân loại	Tiêu chuẩn chất lượng	Cấu hình/ Đặc tính kỹ thuật/ Tiêu chuẩn đánh giá hàng mẫu	Số lượng
36	Trimethoprim 1.25µg + Sulfamethoxazol 23.75µg		đĩa	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Đúng hàm lượng, không ẩm, còn hạn sử dụng Thực hiện kháng sinh đồ trên chủng chuẩn ATCC: đường kính vòng vô khuẩn nằm trong giới hạn CLSI (cập nhật hàng năm) Đánh giá hàng mẫu (hàng mẫu đạt khi đạt tất cả các tiêu chí trên)	1.925
37	Ceftazidime 10µg		đĩa	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Đúng hàm lượng, không ẩm, còn hạn sử dụng Thực hiện kháng sinh đồ trên chủng chuẩn ATCC: đường kính vòng vô khuẩn nằm trong giới hạn CLSI / EUCAST (cập nhật hàng năm) Đánh giá hàng mẫu (hàng mẫu đạt khi đạt tất cả các tiêu chí trên)	150
38	Gentamicin 10µg		đĩa	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Đúng hàm lượng, không ẩm, còn hạn sử dụng Thực hiện kháng sinh đồ trên chủng chuẩn ATCC: đường kính vòng vô khuẩn nằm trong giới hạn CLSI / EUCAST (cập nhật hàng năm) Đánh giá hàng mẫu (hàng mẫu đạt khi đạt tất cả các tiêu chí trên)	150
Môi trường vi sinh							
39	Môi trường KIA		ống	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Môi trường thạch nghiêng sâu, tươi mới, đồng nhất, màu đỏ, không bị nhiễm, không bọt khí, bề mặt thạch đều mịn, không bị vỡ khi cấy, thành ống không đọng nhiều nước, có đầy đủ thông tin tên, lot, date trên mỗi ống E.coli ATCC 25922: Glucose (+), lactose (+), hơi (+), H ₂ S (-) P.aeruginosa ATCC 27853: Glucose (-), lactose (-), hơi (-), H ₂ S (-) Đánh giá hàng mẫu (hàng mẫu đạt khi đạt tất cả các tiêu chí trên)	264
40	Môi trường SIM		ống	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Môi trường tươi mới, màu vàng, đồng nhất; bề mặt thạch đều mịn; không bị nhiễm, không bọt khí, không bị vỡ khi cấy, thành ống không đọng nhiều nước; có đầy đủ thông tin tên, lot, date trên mỗi ống E.coli ATCC 25922: Di động, H ₂ S (-), indol (+) P.aeruginosa ATCC 27853: Di động, H ₂ S (-), indol (-) Đánh giá hàng mẫu (hàng mẫu đạt khi đạt tất cả các tiêu chí trên)	264
41	Môi trường Citrat		ống	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Môi trường thạch nghiêng, tươi mới, đồng nhất, màu xanh lá, không bị nhiễm, không bọt khí, bề mặt thạch đều mịn, không bị vỡ khi cấy, thành ống không đọng nhiều nước, có đầy đủ thông tin tên, lot, date trên mỗi ống E.coli ATCC 25922: Xanh lá P.aeruginosa ATCC 27853: Xanh dương Đánh giá hàng mẫu (hàng mẫu đạt khi đạt tất cả các tiêu chí trên)	264
42	Môi trường Bile esculin		ống	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Môi trường thạch nghiêng, tươi mới, đồng nhất, màu vàng nâu, không bị nhiễm, không bọt khí, bề mặt thạch đều mịn, không bị vỡ khi cấy, thành ống không đọng nhiều nước, có đầy đủ thông tin tên, lot, date trên mỗi ống S.pneumoniae ATCC 49619: VK không mọc, không đổi màu môi trường E.faecalis ATCC 29212: VK mọc, môi trường chuyển màu đen Đánh giá hàng mẫu (hàng mẫu đạt khi đạt tất cả các tiêu chí trên)	132
43	Môi trường TSB có 6,5% NaCl		ống	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Môi trường tươi mới, không bị nhiễm, có đầy đủ thông tin tên, lot, date trên mỗi ống S.pneumoniae ATCC 49619: Vi khuẩn không mọc, không đổi màu môi trường E.faecalis ATCC 29212: VK mọc, môi trường đục Đánh giá hàng mẫu (hàng mẫu đạt khi đạt tất cả các tiêu chí trên)	200
HÓA CHẤT XÁC ĐỊNH NHÓM MÁU							
44	Anti D		ml	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Mức độ phản ứng từ 3+ trở lên	71
45	Anti AB		ml	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Mức độ phản ứng từ 3+ trở lên	51

STT	Tên hàng hóa	Quy cách	ĐVT	Phân loại	Tiêu chuẩn chất lượng	Cấu hình/ Đặc tính kỹ thuật/ Tiêu chuẩn đánh giá hàng mẫu	Số lượng
46	Anti A1		ml	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Mức độ phản ứng từ 3+ trở lên	10
47	Anti H		ml	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Mức độ phản ứng từ 3+ trở lên	10
HÓA CHẤT KHÁC							
48	Dung dịch nồng độ ion thấp trong phản ứng huyết thanh học	chai 500ml	chai	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Đảm bảo cho kết quả tin cậy, ổn định	6
V/ HÓA CHẤT - VẬT TƯ SỬ DỤNG TRONG HỖ TRỢ CHẨN ĐOÁN INVITRO							
FTA- HUYẾT THỐNG							
49	Dụng cụ bấm lỗ thẻ lưu mẫu DNA		cây			Có đầu cắt bằng thép không rỉ có đường kính 1,2 mm, sắc, dùng để cắt mẫu máu trên FTA card, dùng được nhiều lần Tay cầm bằng nhựa polypropylene Hấp được trong autoclave ở 121 độ C	3
50	Bao nhôm lưu mẫu thẻ lưu mẫu DNA		cái			Bao nhôm chuyên dụng để lưu trữ FTA card, kích thước 9 x 15 cm	660
51	Miếng lót bấm lỗ thẻ lưu mẫu DNA		miếng			Bề mặt lót giúp cho việc cắt lấy mẫu trên thẻ FTA khi sử dụng dụng cụ bấm lỗ được trở nên mềm mại và trơn tru, đồng thời tăng tuổi thọ của đầu dụng cụ bấm lỗ	3
PIPETTE							
52	pipette pasteur thủy tinh 3 ml		cái			- Làm bằng thủy tinh trong, sạch, không màu, không đục, kích thước khoảng 150 mm, đầu nhọn, nhỏ, dài, không nứt gãy. - Đánh giá hàng mẫu trên 5 cái, đạt khi 5/5 cái đạt các tiêu chí nêu trên.	4.400
ĐẦU CÔN							
TUBE, HỘP ĐỰNG TUBE, GIÁ ĐỰNG TUBE XÉT NGHIỆM							
53	Ống trong 4 MI (tube nhựa không nắp)		ống			Ống trong 4 MI (tube nhựa không nắp)	131.100
54	Tube thủy tinh 10 x 75 mm		tube			Đúng kích thước, trong suốt, không nứt, bề không nắp	33.100
LAM, LAMELLE, HỘP ĐỰNG							
55	Hộp đựng 100 slides		cái			Tháo đóng nắp dễ dàng, nắp đóng chặt, khe cắt slide thao tác dễ dàng, đúng kích thước 100 slide, màu sáng	43
56	Hộp đựng 50 slides		cái			Tháo đóng nắp dễ dàng, nắp đóng chặt, khe cắt slide thao tác dễ dàng, đúng kích thước 50 slide	16
VẬT TƯ VI SINH							
57	Khuyên cấy nhựa 1 µl		cái			vô trùng, bao không bị rách, đầu khuyên nhỏ để cấy định lượng Đánh giá hàng mẫu (hàng mẫu đạt khi đạt tất cả các tiêu chí trên)	880
58	Giấy lọc 580*580mm		tờ			không ướt, không đổi màu, thấm tốt	38
59	Đèn côn		cái			Đèn côn	3
60	Túi nylon trắng PP 60x80cm		kg			chịu nhiệt 125oC, trắng trong, dày, không rách Đánh giá hàng mẫu (hàng mẫu đạt khi đạt tất cả các tiêu chí trên)	44
61	Khuyên cấy 3.3 µl (Khuyên cấy nichrome)		cái			đúng thể tích, thẳng, tiết trùng, 10-20que/bao	5
VẬT TƯ NHÓM KHÁC							
62	Tube Barcode sử dụng trên máy trộn mẫu SP		tube			Tube Barcode sử dụng trên máy trộn mẫu SP	25.300
63	Cốc thủy tinh 1000 ml		cái			không thôi tạp, có chia thể tích rõ ràng, dễ quan sát, có mỏ	2
64	Túi hút âm(1g)		cái			Có chức năng hút âm tốt	1.100
65	Bộ bảo vệ dụng cụ		cái	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Bộ bảo vệ đầu tip kiểu cửa sổ sử dụng một lần được thiết kế để bảo vệ các dụng cụ phẫu thuật nhỏ sắc bén và dễ vỡ trong quá trình khử trùng. Được sản xuất từ giấy, để đặt các dụng cụ và có một túi polyethylene trong suốt giữ chặt đầu của dụng cụ để tránh trượt xung quanh hoặc ra ngoài. Các thiết bị bảo vệ đầu tip kiểu cửa sổ có khả năng chịu nhiệt lên đến 275 độ F. Có hàng mẫu đánh giá theo tiêu chí trên; Hàng mẫu: 30 bộ.	5.000
DẦU SOI KÍNH							

STT	Tên hàng hóa	Quy cách	ĐVT	Phân loại	Tiêu chuẩn chất lượng	Cấu hình/ Đặc tính kỹ thuật/ Tiêu chuẩn đánh giá hàng mẫu	Số lượng
66	dầu soi kính hiển vi huỳnh quang	chai/ 100ml	chai			Dầu soi kính hiển vi huỳnh quang. Trong, không bị oxy hóa, vẫn quan sát được rõ metaphase dưới vật kính 100 khi lưu trữ ở nhiệt độ phòng. d: 1,025g/mL ở 20 °C	6
67	Dầu soi kính hiển vi (Kính quang học)	chai 100ml	chai			Dầu soi kính hiển vi quang học. Trong, không bị oxy hóa, vẫn quan sát được rõ metaphase dưới vật kính 100 khi lưu trữ ở nhiệt độ phòng.	95
HÓA CHẤT XỬ LÝ MẪU-LY TRÍCH RNA-DNA-PCR VÀ ĐIỆN DI							
68	Acid Boric	chai/ 500gram	chai			KL phân tử: 61,83 g / mol, điểm sôi: 572 ° F (300 ° C), Điểm nóng chảy: 339,6 ° F (170,9 ° C), Mật độ: 144 g / cm³, dạng bột	3
69	NaOH 1M	chai/ 1000ml	chai			Đúng nồng độ, không cặn	11
HÓA CHẤT RQ-PCR							
HÓA CHẤT ĐỆM Ph							
70	NH4Cl		gram			Bột, không vón cục, tinh khiết	4.800
71	KCl		kg			Độ tinh khiết cao	4
72	KH2PO4		gram			Độ tinh sạch ≥ 99%, Không đóng cục, không bắn	2.200
73	acid citric		kg			acid citric	2
74	Acid acetic		lít			Tinh khiết 100%	55
75	HCl 1M		lít			Đúng nồng độ, tinh khiết, không cặn	3
HÓA CHẤT BẢO QUẢN VÀ CHUẨN MÁY ĐO Ph							
76	Dung dịch bảo quản điện cực máy đo pH (KCL 3M)		ml			Đúng nồng độ, tinh khiết 100%	330
77	Dung dịch chuẩn máy đo pH4		lít			Đạt đúng chuẩn pH	4
78	Dung dịch chuẩn máy đo pH7		lít			Đạt đúng chuẩn pH	4
79	Viên pH 6.4		viên			Đúng chủng loại	500
HÓA CHẤT NHÓM KHÁC							
80	Glycerol		lít			Độ tinh khiết cao	2
81	Methanol		lít			Độ tinh khiết (GC) ≥ 99.9 %, nước ≤ 0.1 %, acid hay kiềm ≤ 30 ppm, Tỷ trọng (d 20°C/20°C) 0790 - 0793, màu: trong suốt	185
82	Sodium citrate dihydrate		gram			Bột, không vón cục, độ tinh khiết ≥ 99%, không bị oxy hóa, dung dịch sau khi pha tan hết trong nước cất 2 lần và không bị vón cục	2.200
83	P-phenylen -diamin (PPD)		gram			Bột, không vón cục, độ tinh khiết ≥ 99%, không bị oxy hóa, chứa trong chai thủy tinh chắn sáng	2
84	Diethyl ether		lít			Dung dịch trong suốt, độ tinh khiết ≥ 99%, không cặn, chứa trong chai thủy tinh chắn sáng	3
85	Acid Formic		lít			Độ tinh sạch ≥ 99%, màu trong không đục	5
86	Hydrochloric Acid 01N		lít			Độ tinh sạch ≥ 99%, màu trong không đục	2
87	Potassium hydroxide		kg			Độ tinh sạch ≥ 99%, Không vón cục	1
88	Nước cất 2 lần		lít			Nước cất 2 lần	2.751
89	NaCl		gram			Bột, không vón cục, tinh khiết	2.200
90	Nước cất pha tiêm		ống			Nước cất pha tiêm ống nhựa Thể tích 5ml-10ml Đầu ống có chỗ bẻ để mở rút nước cất	1.870
91	H2O2	chai/10ml	chai			S. aureus ATCC 29213: Sùi bọt khí E. faecalis ATCC 29212: Không sùi bọt khí	16
92	Mực tàu		Ống	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Mực tàu	10
93	Giemsa (bột)	lọ/25 gam	lọ	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Khô, không vón cục	1

STT	Tên hàng hóa	Quy cách	ĐVT	Phân loại	Tiêu chuẩn chất lượng	Cấu hình/ Đặc tính kỹ thuật/ Tiêu chuẩn đánh giá hàng mẫu	Số lượng
94	Dầu ấn nhuộm hóa mô miễn dịch CD103		ml	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Kháng thể đơn dòng kháng CD103, pha sẵn	7
95	Dầu ấn nhuộm hóa mô miễn dịch CD71		ml	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Kháng thể đơn dòng kháng CD71, pha sẵn	7
96	Dầu ấn nhuộm hóa mô miễn dịch factor VIII		ml	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Kháng thể đơn dòng kháng Pactor VIII, pha sẵn	7
97	Dầu ấn nhuộm hóa mô miễn dịch LEF-1		ml	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Kháng thể đơn dòng kháng LEF1 , pha sẵn	14
98	Dầu ấn nhuộm hóa mô miễn dịch CXCL-13		ml	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Kháng thể đơn dòng kháng CXCL13, pha sẵn	7
99	Dầu ấn nhuộm hóa mô miễn dịch ICOS		ml	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Kháng thể đơn dòng kháng ICOS, pha sẵn	7
100	Anexin A1		ml	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Kháng thể đơn dòng kháng Anexin A1 , pha sẵn	7
101	E cadherin		ml	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Kháng thể đơn dòng kháng E cadherin, pha sẵn	7
102	Granzym B		ml	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Kháng thể đơn dòng kháng Granzym B, pha sẵn	7
103	HHV8		ml	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Kháng thể đơn dòng kháng HHV8, pha sẵn	7
104	Langerin		ml	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Kháng thể đơn dòng kháng Langerin, pha sẵn	7
105	Parvovirus		ml	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Kháng thể đơn dòng kháng Parvovirus, pha sẵn	7
106	Perforin		ml	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Kháng thể đơn dòng kháng Perforin, pha sẵn	7
107	TIA1		ml	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Kháng thể đơn dòng kháng TIA1, pha sẵn	7
108	CD42b		ml	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Kháng thể đơn dòng kháng CD42b, pha sẵn	7
109	OCT2		ml	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Kháng thể đơn dòng kháng OCT2, pha sẵn	7
110	P53		ml	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Kháng thể đơn dòng kháng P53, pha sẵn	7
111	CD200		ml	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Kháng thể đơn dòng kháng P53, pha sẵn	7
112	Găng tay không bột các size (màu tím, xanh)		đôi	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Đủ các size, độ mỏng phù hợp, đàn hồi tốt, ôm sát tay. Có hàng mẫu đánh giá theo tiêu chí trên; Hàng mẫu: 100 đôi.	12.000
113	Giấy Parafilm M 2" x 250' (5cmx76m)		cuộn			- Mềm và dính trong khoảng nhiệt độ 54 – 66°C, - Căng dài hơn 200% chiều dài ban đầu - Chịu được tối đa 48 giờ so với nhiều chất như dung dịch muối, axit vô cơ và dung dịch kiềm, - Bảo vệ sự toàn vẹn của các ứng dụng nghiên cứu nhờ cản độ ẩm chặt chẽ giúp giữ kín chặt và ngăn thất thoát ra khỏi dụng cụ thủy tinh, ngay cả khí gas,	2
114	Hóa chất Calibration hệ thống 3500		Hộp	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	- bao gồm các oligonucleotide gắn với thuốc nhuộm huỳnh quang nhạy với các bước sóng ánh sáng từ laser của máy ABI 3500. - Hiệu suất hiệu chuẩn tối ưu theo khuyến cáo sử dụng thiết bị ABI 3500	2
115	Normal Control		lọ đông khô	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Normal Control	15

STT	Tên hàng hóa	Quy cách	ĐVT	Phân loại	Tiêu chuẩn chất lượng	Cấu hình/ Đặc tính kỹ thuật/ Tiêu chuẩn đánh giá hàng mẫu	Số lượng
116	Anti Beta 2 glucose protein		test	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Anti Beta 2 glucose protein Phương pháp elisa tự động hoặc bán tự động Cung cấp thiết bị sử dụng	960
117	Nondidet P40		ml			Dung dịch trong suốt, độ tinh khiết $\geq 99\%$, không cặn, không bị oxy hóa, chứa trong chia thủy tinh chắn sáng, tan hết trong hỗn hợp sau khi pha, lam sau khi rửa tín hiệu rõ, không bị mờ	550
118	Potassium metabisulfite		kg			độ tinh khiết 99%, không vón cục	1
119	Potassium Permanganate		kg			độ tinh khiết 99%, không vón cục	1
120	Sodium disulfite		kg			độ tinh khiết 99%, không vón cục	1
121	Sodium thiosulfate		kg			độ tinh khiết 99%, không vón cục	1
122	Ammonium Iron(III) Sulfate		kg			độ tinh khiết 99%, không vón cục	1
123	Silver nitrate		gram			độ tinh khiết 99%, không vón cục	25
124	copper(II) Sulfate.5H2O		kg			độ tinh khiết 99%, không vón cục	1
125	Nước cất 1 lần		lít			Nước cất 1 lần	2.038
126	Turk		ml			Không cặn lắng và lẫn tạp chất, loại bỏ tế bào không nhân, chỉ nhuộm màu tế bào bạch cầu.	220
127	Ethanol tuyệt đối		lít			- Nồng độ cồn $\geq 99\%$. - Sử dụng cho sinh học phân tử (for molecular biology) - Không chứa các tạp chất như: DNases, RNases, Các kim loại nặng như Pb $\leq 0,0001\%$, độ acid và độ kiềm $\leq 0,0002$ meq/g.	6
128	Nước cất		chai 2 lít			Nước cất 2l	2
129	Diethyl pyrocarbonate (98%)	chai/ 250 mL	chai			Độ tinh khiết $\geq 99\%$	2
130	NaHCO3	chai/ 250g	chai			Độ tinh khiết $\geq 99\%$, không đóng cục	2
131	Na2HPO4	chai/ 100g	chai			Độ tinh khiết $\geq 99\%$, không đóng cục	2
132	Septa Anode Buffer Container (for the 3500 series Genetic analyzers)		cái	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Miếng dán cao su dùng cho Anode sử dụng cho máy giải trình tự gen, vừa khít các giếng của Anode, mềm, chịu được thay đổi nhiệt độ 4-96 độ C	20
133	Isopropanol		ml			Tinh khiết, không có hoạt tính men DNase, Rnase	600
134	Diethyl Pyrocarbonate 97%		ml			Tinh khiết, không có hoạt tính men DNase, Rnase	150
135	Cloroform		lít			Tinh khiết, không có hoạt tính men DNase, Rnase	1
136	Coplin jar (cốc thủy tinh đựng lam có nắp)	thùng/ 10 cái	cái			Cốc bằng thủy tinh trong suốt, có nắp đậy bằng thủy tinh trong suốt, thành dày dặn, chịu được nhiệt độ cao 90oC	10
137	1.5 ml eppendorf tube (nắp vận định liền)		cái			Nhựa chịu được nhiệt độ 1200C, thể tích 1.5ml, trắng trong, nắp vận định liền, không bị bung khi gia nhiệt ở nhiệt độ cao 1200C, không làm thay đổi chất lượng mẫu thử chứa trong tube Đánh giá hàng mẫu (hàng mẫu đạt khi đạt tất cả các tiêu chí trên)	4.500
138	Formalin 37%		lít	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Formalin 37%, Đúng thành phần, Trong suốt, không vẩn đục	5
139	Viên pH 6.8		viên			Viên pH 6.8	500
140	Wrights Eosine methylene blue		gam	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Đúng thành phần, không tạp chất	50
HOÁ CHẤT KHÁC							

STT	Tên hàng hóa	Quy cách	ĐVT	Phân loại	Tiêu chuẩn chất lượng	Cấu hình/ Đặc tính kỹ thuật/ Tiêu chuẩn đánh giá hàng mẫu	Số lượng
141	Băng phim trong vô trùng có định kim luân tĩnh mạch ngoại vi		cái	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Băng phim trong suốt, bán thấm (Transparent Film Dressing) Băng có xẻ rãnh giữa Màng Polyurethane trong suốt(phủ keo Acrylic) dễ gỡ, không sót keo khi tháo băng Độ bám dính chắc chắn, không kích ứng da Băng co giãn theo chuyển động giúp bệnh nhân thoải mái, không gây khó chịu Thoát mồ hôi Có nơi ghi chú ngày giờ đặt, người đặt Sử dụng được đến 7 ngày Kích thước: Khoảng 65->70mm x 80mm->85mm. Nhận xét bởi 10 điều dưỡng bệnh viện (trên 80% đánh giá đạt)	48.000
142	Găng tay sử dụng trong tiêm truyền hóa chất		đôi	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	Chiều dài:23-29cm Găng tay không có bột Chất liệu: làm từ nitrile, neoprene hoặc latex Nhận xét bởi 10 điều dưỡng bệnh viện (trên 80% đánh giá đạt)	28.200
143	Hóa chất cho phản ứng phát hiện các tổ hợp gen trong bệnh lý huyết học		test	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	- Kit phát hiện hoặc định lượng được các tổ hợp gen trong mẫu tủy xương hoặc máu ngoại vi của người bệnh mang bệnh lý huyết học ác tính bao gồm E2A-PBX1 và MLL-AF4 (type e11-e4, e9-e4, e10-e4, e9-e5) và TEL-AML1 (type e5-e2, e5-e3) và BCR-ABL (type minor BCR-ABL, micro BCR/ABL). - Sau khi chạy thử nghiệm, kết quả phải phù hợp với các thông số đã yêu cầu. Cần hàng mẫu 5 tests, đạt khi 5/5 tests đạt. - Cung cấp máy chạy xét nghiệm kèm theo.	720
144	Hóa chất cho phản ứng phát hiện các tổ hợp gen trong bệnh lý huyết học		test	TTBYT	ISO 13485 hoặc FDA hoặc CE	- Kit phát hiện hoặc định lượng được tổ hợp gen AML1-ETO trong mẫu tủy xương hoặc máu ngoại vi của người bệnh mang bệnh lý huyết học ác tính. '- Độ nhạy: $\geq 10^{-4}$ - Sau khi chạy thử nghiệm, kết quả phải phù hợp với các thông số đã yêu cầu. Cần hàng mẫu 5 tests, đạt khi 5/5 tests đạt. - Cung cấp máy chạy xét nghiệm kèm theo.	400

*** Ghi chú: Số lượng chỉ là dự kiến, số lượng có thể thay đổi tùy theo nhu cầu sử dụng của Bệnh viện .**

**Đại diện Bệnh viện
Phó Giám Đốc**

NGUYỄN THỊ THU HIỀN